TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THẠCH THÀNH** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 29/05/2019
V/v: "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phạm Văn Hùng
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Hoàng Văn Thanh
2. Ông Lưu Đình Tâm

- *Thư ký phiên toà*: Ông Bùi Đức Anh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá.

Ngày 29 tháng 05 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 51/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 03 năm 2019 về: " Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 05 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị M, sinh năm: 1972
HKTT: Thôn Xuân Hương, xã Thành Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn G , sinh năm: 1970
HKTT: Thôn Xuân Hương, xã Thành Tân, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai đề ngày 12/03/2019 và tại phiên tòa chị Nguyễn Thị M trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn G tự nguyện sống chung với nhau từ ngày 26/5/1994 (Âm lịch), có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Thời gian chị và anh G chung sống đến năm 2000 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị và anh Giang thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh G thường có biểu hiện xâm hại đến những người thân là phụ nữ bên gia đình bên ngoại, hay chửi mắng chị dẫn đến cuộc sống vợ chồng không được hạnh phúc. Chị đã cố gắng chịu đựng nhiều năm, cho đến tháng 12/2017 chị và anh G đã sống ly thân nhau, từ đó đến nay không ai quan tâm ai. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết không công nhận chị và anh Nguyễn Văn G có quan hệ vợ chồng.

- Về con cái: Chị và anh G có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1995 và Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1997, hiện nay các cháu đều đã thành niên và tự lập được nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Chị và anh G tự thỏa thuận phân chia nên chị M không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã triệu tập hợp lệ anh Nguyễn Văn G để làm bản tự khai, trình bày ý kiến về những nội dung yêu cầu khởi kiện của chị M, nhưng anh G không có mặt nên không có lời khai của anh G. Tòa án cũng đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho các bên đương sự nhưng anh G không có mặt nên Tòa án đã thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho anh G. Chị M và anh G sống chung như vợ chồng, nhưng không đăng ký kết hôn. Đây là trường hợp không được hoà giải theo quy định tại khoản 2 điều 206 Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS).

Tại phiên tòa anh Nguyễn Văn G trình bày: Anh và chị M tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương, được sự đồng ý của hai bên gia đình nhưng không đăng ký kết hôn. Khoảng 3 đến 4 năm nay anh và chị M xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh nghi ngờ tình cảm của chị M vì chị M thường cầm điện thoại nhắn tin với người khác, vợ chồng anh tuy ở cùng nhà nhưng không ngủ cùng nhau. Nay anh xét thấy anh và chị M không còn tình cảm vợ chồng nên nhất trí ly hôn chị M để giải thoát cho nhau.

- Về con cái: Anh và chị Mai có 02 con chung là các cháu Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1995 và Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1997, hiện nay các cháu đều đã thành niên và tự lập được nên anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản: Anh và chị M tự thỏa thuận phân chia nên anh không yêu cầu Toà án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn G tự nguyện sống chung với nhau từ năm 1994, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương nhưng không đăng ký kết hôn. Quá trình chị M và anh G chung sống thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do chị M và anh G thường xuyên bất đồng quan điểm trong cuộc sống, hai bên có sự nghi ngờ tình cảm, thiếu tin tưởng lẫn nhau. Chị M và anh G hay xảy ra cãi vã, đánh chửi nhau dẫn đến cuộc sống hai bên không được hạnh phúc. Đến tháng 12/2017 chị M và anh G đã sống ly thân nhau, từ đó đến nay không ai quan tâm ai. Chị M yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh Nguyễn Văn G có quan hệ vợ chồng. Đây là quan hệ tranh chấp về ly hôn, chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo khoản 1 điều 28 BLTTDS. Xét thấy chị M và anh G có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật hôn nhân và gia đình, nhưng chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Vì vậy, cần căn cứ điều 14 Luật hôn nhân và gia đình và hướng dẫn tại điểm b khoản 3 nghị quyết số 35/2000/ NQ - QH 10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình để tuyên bố không công nhận quan hệ giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn G là vợ chồng.

[2] Về con cái: Quá trình chung sống chị M và anh G có 02 con chung tên là Nguyễn Thị Hằng, sinh năm 1995 và Nguyễn Văn Hùng, sinh năm 1997, hiện nay

các cháu đều đã thành niên. Chị M và anh G không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[3] Về tài sản: Chị M và anh G không yêu cầu nên miễn xét.

[4] Về án phí: Chị M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 điều 14 Luật hôn nhân và gia đình; Khoản 1 điều 28, khoản 2 điều 206, khoản 4 điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm b khoản 3 nghị quyết số 35/2000/NQ - QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 1 điều 24, điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu án phí và lệ phí Toà án.

1/Về hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn G.

2/Về án phí: Chị Nguyễn Thị M phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền chị M đã nộp tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạch Thành, theo biên lai số AA/2016/0003573 ngày 12/03/2019. Chị M đã nộp đủ tiền án phí.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt chị Nguyễn Thị M và anh Nguyễn Văn G. Chị M và anh G có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

HỘI THẨM NHÂN DÂN		THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Lưu Đình Tâm	Hoàng Văn Thanh	Phạm Văn Hùng

Nơi nhận:
- VKSND huyện Thạch Thành;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA